

Số: /QĐ-SNN

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai điều chỉnh**  
**Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BÌNH ĐỊNH**

Căn cứ Quyết định số 50/2023/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-SNN ngày 25/10/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp Sở.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT (theo Biểu số 01 đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tổng hợp Sở và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN Bình Định;
- Lãnh đạo Sở;
- VPS (Trang thông tin điện tử của Sở);
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTH.

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Văn Phúc**

Biểu số 01: Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định

Chương: 412

## ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:                      /QĐ-SNN ngày                      / 10 /2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Chi tiết theo đơn vị sử dụng							
				Cơ quan Chỉ cục Kiểm lâm	Hạt KL huyện An Lão	Hạt KL Vinh Thạnh	Hạt KL thị xã Hoài Nhơn	Hạt KL huyện Phù Cát	Hạt KL Liên hạt Tuy Phước-TP. Quy Nhơn	Hạt KL huyện Tây Sơn	Hạt KL huyện Vân Canh
	<b>Điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-31.303.000</b>	<b>-22.365.000</b>	<b>52.862.000</b>	<b>17.695.000</b>	<b>21.099.000</b>	<b>35.031.000</b>	<b>-6.543.000</b>	<b>-66.476.000</b>
<b>1</b>	<b>Chi Quản lý nhà nước (Loại 340- Khoản 341)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.069.000</b>	<b>3.470.000</b>	<b>-11.539.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.921.000</b>	<b>19.292.000</b>	<b>-41.213.000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	8.069.000	3.470.000	-11.539.000	0	0	21.921.000	19.292.000	-41.213.000
	- Kinh phí thực hiện chi tiền lương và hoạt động thường xuyên	0	0	8.069.000	3.470.000	-11.539.000	0	0	21.921.000	19.292.000	-41.213.000
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp lâm nghiệp (Loại 280 - Khoản 282)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-39.372.000</b>	<b>-25.835.000</b>	<b>64.401.000</b>	<b>17.695.000</b>	<b>21.099.000</b>	<b>13.110.000</b>	<b>-25.835.000</b>	<b>-25.263.000</b>
2.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	-39.372.000	-25.835.000	64.401.000	17.695.000	21.099.000	13.110.000	-25.835.000	-25.263.000
	+ Chi hoạt động Kiểm lâm địa bàn	0	0	0	-25.835.000	64.401.000	17.695.000	21.099.000	13.110.000	-25.835.000	-64.635.000
	+ Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy rừng, tuyên truyền bảo vệ rừng, theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp.	0	0	-39.372.000							39.372.000